

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NĂM 2023**

### **A. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Tên trường:** TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Tên tiếng Anh:** Dai Viet Ho Chi Minh City

**Cơ quan chủ quản:** Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh.

**Địa chỉ:** số 01 Đoàn Kết, phường Bình Thới, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**Điện thoại:** 028.37224825 (17)

**Email:** [bangiamhieu@truongdaiviet.edu.vn](mailto:bangiamhieu@truongdaiviet.edu.vn)

**Website:** [www.truongdaiviet.edu.vn](http://www.truongdaiviet.edu.vn)

**Năm thành lập:** 2008

**Loại hình trường:** Tư thục

**Thành tích nổi bật của trường:**

Với sự nỗ lực hết mình, không ngừng vươn lên, hơn 10 năm qua, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên của Nhà trường đã mang về nhiều thành tích trong nhiều lĩnh vực hoạt động, cụ thể:

Năm 2012, 2013, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 được Sở GD&ĐT tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”;

Năm 2014, 2015, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 được UBND TP. HCM tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

Công đoàn Trường đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn năm học 2011 - 2012;

Công đoàn Trường đạt danh hiệu “Vững mạnh xuất sắc” trong năm học 2012-2013, 2013 - 2014;

Công đoàn Trường đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” năm 2013, 2014, 2015, 2016;

Công đoàn Trường đạt danh hiệu “Xuất sắc” năm 2014, 2015, 2016;

Công đoàn Trường đạt danh hiệu “hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2022-2023;

Bằng khen của UBND Tỉnh Bình Thuận về đã có nhiều đóng góp ủng hộ xây dựng Quỹ học bổng - tiếp bước cho em đến Trường Tỉnh Bình Thuận;

Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2009-2014;

Giấy khen đạt thành tích thực hiện tốt Đề án 1928 giai đoạn 2013, 2014;

Giấy khen của UBND Quận Thủ Đức tặng Ban Chỉ Huy tự vệ Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động cao điểm kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống Dân quân tự vệ;

Giấy khen của UBND Quận về việc đã có thành tích đóng góp tích cực trong phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” nhân kỷ niệm 68 năm ngày thương binh liệt sỹ.

Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, thực hiện các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 25 năm ngày Hội Quốc phòng toàn dân;

Bằng khen của Liên đoàn lao động TP HCM về việc đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm học 2014 - 2015;

Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt”;

Giấy khen của Đảng Bộ doanh nghiệp về việc hoàn thành xuất sắc công tác phát triển Đảng viên mới năm 2015;

Giấy khen của UBND Quận Thủ Đức về việc đã đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2015;

Bằng khen của UBND TP HCM về việc đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm học liên tục (2013 - 2014; 2014 - 2015);

Bằng khen của Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2015 – 2016;

Giấy khen của Sở GD&ĐT TP HCM về việc đã thực hiện tốt Đề án 1928 Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường giai đoạn 2013 – 2016;

Danh hiệu Chi bộ “Trong sạch vững mạnh năm 2017”;

Bằng khen của Thành Đoàn TP HCM tặng Đoàn trường Hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2017 – 2018;

Bằng khen của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tặng cho tập thể đã có nhiều thành tích trong công tác giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2014-2018;

Bằng khen của UBND Tỉnh Phú Yên tặng cho Trường đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào tình nguyện mùa hè xanh tại tỉnh Phú Yên năm 2019;

Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm học 2016 - 2017;

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2018 – 2019;

Cờ thi đua toàn khối năm học 2019 – 2020;

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2019 – 2020;

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2020 – 2021;

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2021 – 2022;

Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2022 – 2023;

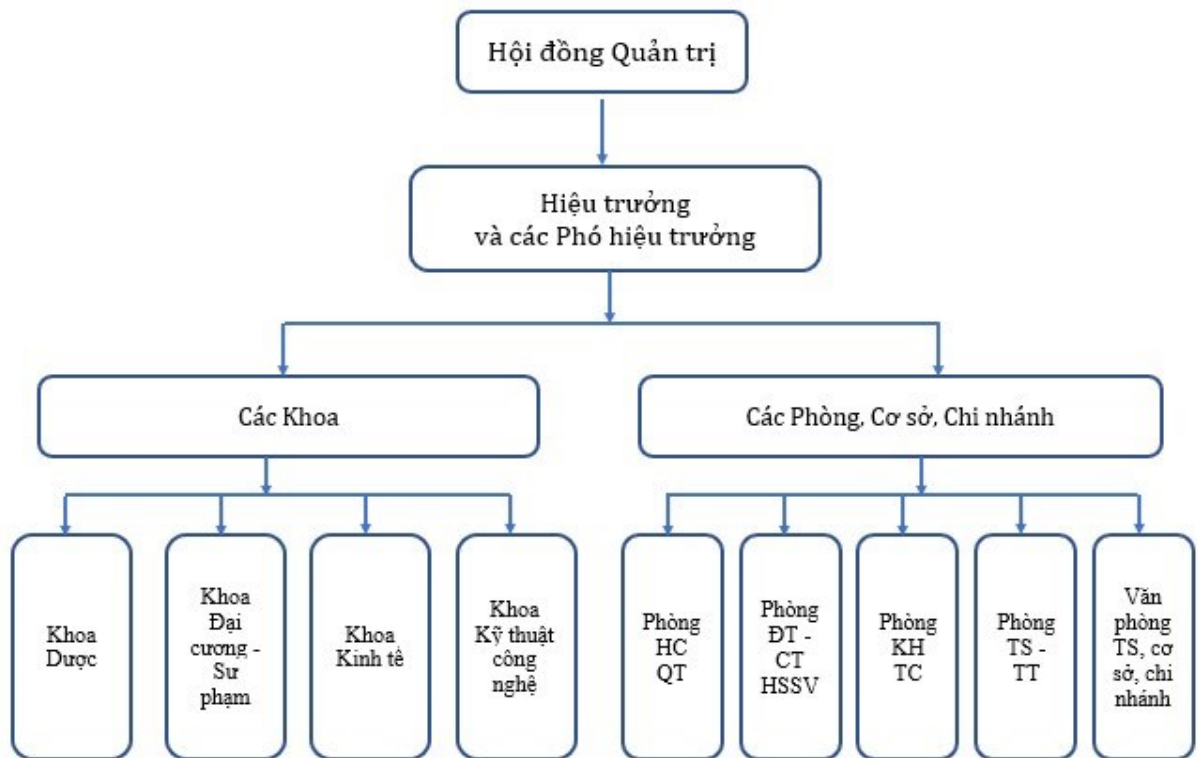
Bằng khen của Ủy ban nhân dân TP HCM 2 năm liên tục.

### **Thông tin khái quát về lịch sử phát triển của Trường**

Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 5615/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh về việc cho phép thành lập Trường Trung cấp tư thực Kinh tế - Công nghệ Đại Việt và được đổi tên thành Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 05/8/2011 của Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh.

### **1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường**

#### **1.1.1 Cơ cấu tổ chức**



#### **1.1.2. Nhân sự Nhà trường:**

| <b>Các bộ phận</b>                             | <b>Họ và tên</b>    | <b>Năm sinh</b> | <b>Học vị</b> | <b>Chức danh, Chức vụ</b> |
|--|---------------------|-----------------|---------------|---------------------------|
| <b>1. Ban Giám hiệu</b>                        | Ngô Thị Phương Dung | 1988            | Thạc sĩ       | Hiệu trưởng               |
|  | Lê Thị Bích Thảo    | 1987            | Thạc sĩ       | Phó Hiệu trưởng           |
|  | Nguyễn Thanh Quý    | 1990            | Thạc sĩ       | Phó Hiệu trưởng           |
| <b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn</b> |                     |                 |               |                           |

| Các bộ phận  | Họ và tên             | Năm sinh | Học vị  | Chức danh, Chức vụ |
|--|-----------------------|----------|---------|--------------------|
| Chi Bộ   | Lê Thị Bích Thảo      | 1987     | Thạc sĩ | Bí Thư             |
| Công Đoàn  | Nguyễn Thanh Quý      | 1990     | Thạc sĩ | Chủ tịch CT        |
| Đoàn Thanh niên  | Nguyễn Lương Việt     | 1997     | Cử nhân | Bí thư             |
| <b>3. Trưởng các phòng chức năng</b>                             |                       |          |         |                    |
| Phòng TC-HC-TH   | Nguyễn Thị Phương Nga | 1987     | Cử nhân | Trưởng phòng       |
| Phòng Quản trị thiết bị  | Nguyễn Tài Thanh      | 1958     | Cử nhân | Phó Trưởng phòng   |
| Phòng ĐT-CT HSSV   | Nguyễn Thanh Quý      | 1990     | Thạc sĩ | Trưởng phòng       |
| Phòng KH-TC  | Trần Thị Hân          | 1978     | Cử nhân | Phó Trưởng phòng   |
| Phòng TS-TT  | Nguyễn Minh Tiến      | 1993     | Cử nhân | Phụ trách phòng    |
| <b>4. Trưởng các khoa</b>  |                       |          |         |                    |
| Khoa Y Dược  | Phè Minh Công         | 1986     | Cử nhân | Phụ trách khoa     |
| Khoa Kinh tế - KTCN  | Bùi Minh Trung        | 1990     | Cử nhân | Phụ trách khoa     |
| <b>5. Trưởng các đơn vị trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...)</b> |                       |          |         |                    |
| Thư Viện   | Nguyễn Thị Hằng       | 1985     | Cử nhân | Phụ trách TV       |

## 1.2 Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

| TT | Tên nghề đào tạo          | Mã ngành | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|----|---------------------------|----------|-----------------------|------------------|
| 1. | Tin học ứng dụng          | 5480205  | 50                    | Trung cấp        |
| 2. | Kế toán doanh nghiệp      | 5340302  | 50                    | Trung cấp        |
| 3. | Du lịch lữ hành           | 5810101  | 50                    | Trung cấp        |
| 4. | Tài chính ngân hàng       | 5340202  | 50                    | Trung cấp        |
| 5. | Dược                      | 5720201  | 400                   | Trung cấp        |
| 6. | Y sỹ                      | 5720101  | 250                   | Trung cấp        |
| 7. | Điều dưỡng                | 5720301  | 200                   | Trung cấp        |
| 8. | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 5720602  | 150                   | Trung cấp        |
| 9. | Xây dựng Dân dụng và CN   | 5580202  | 50                    | Trung cấp        |

## 1.3 Số lượng học sinh, sinh viên:

| Trình độ đào tạo | Năm  |      |      |
|------------------|------|------|------|
|                  | 2021 | 2022 | 2023 |
|                  |      |      |      |

|                       |           |    |    |
|-----------------------|-----------|----|----|
| <b>Trung cấp nghề</b> | 00        | 12 | 32 |
| <b>Tổng cộng</b>      | <b>44</b> |    |    |

### **1.3 Đơn vị phụ trách Đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng**

**Tên đơn vị:** Phòng Đào tạo – Công tác Học sinh sinh viên

**Tên viết tắt của đơn vị:** Phòng ĐT- CTHSSV

**Cơ quan chủ quản:** Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh

**Địa chỉ của đơn vị:** số 01 Đoàn Kết, phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

**Cơ cấu nhân sự:**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>  | <b>Chức vụ</b> | <b>Điện thoại</b> | <b>Email</b>                   |
|-----------|-------------------|----------------|-------------------|--------------------------------|
| 1.        | Nguyễn Thanh Quý  | Trưởng phòng   | 0395862000        | thanhqui@truongdaiviet.edu.vn  |
| 2.        | Bùi Minh Trung    | Chuyên viên    | 0907145415        | minhtrung@truongdaiviet.edu.vn |
| 3.        | Hồ Khải Kỳ        | Chuyên viên    | 0909524322        | khaiky@truongdaiviet.edu.vn    |
| 4.        | Nguyễn Lương Việt | Chuyên viên    | 0362921515        | luongviet@truongdaiviet.edu.vn |

### **1.4 Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính**

#### **1.4.1 Cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất trong nhà trường là yếu tố quan trọng bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH thường xuyên được nâng cấp. Nhà trường có hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị; hệ thống phòng thí nghiệm ở một số khoa thực nghiệm được đầu tư máy móc hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của học sinh, cán bộ; có thư viện, phòng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm v.v... phục vụ thiết thực cho hoạt động dạy và học. Trường cũng có KTX cho sinh viên nữ, Phòng y tế học đường chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.

Cảnh quan môi trường, khuôn viên trong trường luôn được giữ gìn xanh, sạch, đẹp, làm cho Trường trở thành môi trường giáo dục lành mạnh.

#### **1.4.2 Thư viện**

Thư viện nhà trường với diện tích 96 m<sup>2</sup>, được trang bị tủ sách, bàn ghế, máy tính, ánh sáng, phục vụ cho cán bộ, giáo viên và học sinh học tập và nghiên cứu. Thư viện có gần 1.000 đầu sách, trong đó có 1408 cuốn, cung cấp tương đối đủ để học tập và tham khảo theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

#### **1.4.3 Tài chính**

Nhà trường quản lý tài chính chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả; Nội dung các khoản thu, chi do nhà trường tự quyết định và chịu trách nhiệm, nhưng đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước. Các nội dung chi được theo dõi, phản

ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán phù hợp với Quy chế tổ chức, hoạt động và Điều lệ nhà trường trung cấp.

## **B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **1. Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng**

| <b>Thời gian</b>     | <b>Nội dung công việc</b>  | <b>Đơn vị thực hiện</b> |
|----------------------|--|-------------------------|
| 01/09 đến 10/09/2023 | Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2023.   | Ban thư ký              |
| 11/09/2023           | Họp Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề   | Hội đồng kiểm định      |
| 12/09 đến 30/09/2023 | Chuẩn bị tự đánh giá sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của đơn vị   | Trưởng các đơn vị       |
| 01/10 đến 01/11/2023 | Thực hiện thu thập minh chứng và tự đánh giá sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2023                                   | Các nhóm                |
| 02/11 đến 08/11/2023 | Báo cáo sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị  | Trưởng các nhóm         |
| 09/11 đến 15/11/2023 | Các nhóm tổng hợp thành 1 file mềm và bản cứng và các thông tin minh chứng gửi về Phòng ĐT-CT HSSV                                     | Các nhóm                |
| 16/11 đến 20/11/2023 | Họp Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của Trường thẩm định, phê duyệt báo cáo sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề 2023 | Hội đồng kiểm định      |
| 21/11 đến 03/12/2023 | Tổng hợp, chỉnh sửa Báo cáo kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2023   | Ban Thư ký              |
| 05/12/2023           | Gửi báo cáo về Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP.Hồ Chí Minh.<br>Gửi báo cáo Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp.                         | Ban Thư ký              |

#### **2. Kết quả tự đánh giá chất lượng**

2.1 Tổng số điểm tự đánh giá: **97 điểm**

2.2 Tự đánh giá chất lượng **ĐẠT** tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh Năm 2022.

2.3 Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b> | <b>Điểm chuẩn</b> | <b>Trường tự đánh giá</b> |
|-----------|--|-------------------|---------------------------|
|           | <b>ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC</b>   |                   | <b>Đạt tiêu</b>           |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>   | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá<br/>chuẩn</b> |
|-----------|--|-----------------------|---|
|           | <b>Tổng điểm</b>   | <b>100</b>            | <b>97</b>                               |
| <b>I</b>  | <b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>   | <b>12</b>             | <b>12</b>                               |
| 1.        | Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu, nhiệm vụ của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai. | 1                     | 1                                       |
| 2.        | Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.   | 1                     | 1                                       |
| 3.        | Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức, quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.   | 1                     | 1                                       |
| 4.        | Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.  | 1                     | 1                                       |
| 5.        | Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.                             | 1                     | 1                                       |
| 6.        | Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.                              | 1                     | 1                                       |
| 7.        | Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.   | 1                     | 1                                       |
| 8.        | Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.  | 1                     | 1                                       |
| 9.        | Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều  | 1                     | 1                                       |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>  | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|-----------|---|-----------------------|-------------------------------|
|           | lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.   |                       |                               |
| 10.       | Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.   | 1                     | 1                             |
| 11.       | Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.   | 1                     | 1                             |
| 12.       | Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| <b>II</b> | <b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>  | <b>17</b>             | <b>16</b>                     |
| 1.        | Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.  | 1                     | 1                             |
| 2.        | Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| 3.        | Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.  | 1                     | 1                             |
| 4.        | Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.  | 1                     | 1                             |
| 5.        | Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. | 1                     | 1                             |
| 6.        | Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào  | 1                     | 1                             |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>   | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|-----------|--|-----------------------|-------------------------------|
|           | tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.  |                       |                               |
| 7.        | Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1                     | 1                             |
| 8.        | Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.  | 1                     | 1                             |
| 9.        | Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.  | 1                     | 1                             |
| 10.       | Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.   | 1                     | 1                             |
| 11.       | Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.  | 1                     | 1                             |
| 12.       | Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| 13.       | Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.  | 1                     | 1                             |
| 14.       | Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.   | 1                     | 1                             |
| 15.       | Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp   | 1                     | 1                             |

| <b>TT</b>  | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>   | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|------------|--|-----------------------|-------------------------------|
|            | thời điều chỉnh nếu cần thiết.   |                       |                               |
| 16.        | Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.   | 1                     | 0                             |
| 17.        | Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.  | 1                     | 1                             |
| <b>III</b> | <b>Tiêu chí 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>   | <b>15</b>             | <b>15</b>                     |
| 1.         | Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.  | 1                     | 1                             |
| 2.         | Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định. | 1                     | 1                             |
| 3.         | Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.   | 1                     | 1                             |
| 4.         | Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.  | 1                     | 1                             |
| 5.         | Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.  | 1                     | 1                             |
| 6.         | Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.  | 1                     | 1                             |
| 7.         | Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học   | 1                     | 1                             |

| <b>TT</b>  | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>  | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|------------|---|-----------------------|-------------------------------|
|            | tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.   |                       |                               |
| 8.         | Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.   | 1                     | 1                             |
| 9.         | Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1                     | 1                             |
| 10.        | Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.   | 1                     | 1                             |
| 11.        | Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.   | 1                     | 1                             |
| 12.        | Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.  | 1                     | 1                             |
| 13.        | Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.  | 1                     | 1                             |
| 14.        | Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.   | 1                     | 1                             |
| 15.        | Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.  | 1                     | 1                             |
| <b>IV.</b> | <b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>   | <b>15</b>             | <b>14</b>                     |
| 1.         | Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.  | 1                     | 1                             |
| 2.         | Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.  | 1                     | 1                             |

| TT  | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số</b><br><i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</i>   | <b>Điểm chuẩn</b> | <b>Trường tự đánh giá</b> |
|-----|--|-------------------|---------------------------|
| 3.  | Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng 1 chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. | 1                 | 1                         |
| 4.  | Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.   | 1                 | 1                         |
| 5.  | Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.  | 1                 | 1                         |
| 6.  | Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.  | 1                 | 1                         |
| 7.  | Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.   | 1                 | 1                         |
| 8.  | Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.   | 1                 | 1                         |
| 9.  | Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.   | 1                 | 0                         |
| 10. | Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.   | 1                 | 1                         |
| 11. | Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.  | 1                 | 1                         |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>  | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|-----------|---|-----------------------|-------------------------------|
| 12.       | Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.  | 1                     | 1                             |
| 13.       | Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.  | 1                     | 1                             |
| 14.       | Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.  | 1                     | 1                             |
| 15.       | Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| <b>V</b>  | <b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>   | <b>15</b>             | <b>15</b>                     |
| 1.        | Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1                     | 1                             |
| 2.        | Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.  | 1                     | 1                             |
| 3.        | Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.          | 1                     | 1                             |
| 4.        | Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường  | 1                     | 1                             |

| TT  | Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)   | Điểm<br>chuẩn | Trường tự<br>đánh giá |
|-----|--|---------------|-----------------------|
|     | (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.  |               |                       |
| 5.  | Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.  | 1             | 1                     |
| 6.  | Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.   | 1             | 1                     |
| 7.  | Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.  | 1             | 1                     |
| 8.  | Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. | 1             | 1                     |
| 9.  | Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.   | 1             | 1                     |
| 10. | Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.   | 1             | 1                     |
| 11. | Tiêu chuẩn 5.11: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức   | 1             | 1                     |

| TT        | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số</b><br><i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</i>   | <b>Điểm chuẩn</b> | <b>Trường tự đánh giá</b> |
|-----------|--|-------------------|---------------------------|
|           | thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.  |                   |                           |
| 12.       | Tiêu chuẩn 5.12: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.  | 1                 | 1                         |
| 13.       | Tiêu chuẩn 5.13: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.   | 1                 | 1                         |
| 14.       | Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.   | 1                 | 1                         |
| 15.       | Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.   | 1                 | 1                         |
| <b>VI</b> | <b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>   | <b>5</b>          | <b>4</b>                  |
| 1.        | Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.  | 1                 | 1                         |
| 2.        | Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng). | 1                 | 1                         |
| 3.        | Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc  | 1                 | 1                         |

| <b>TT</b>   | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>  | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|-------------|---|-----------------------|-------------------------------|
|             | té.   |                       |                               |
| 4.          | Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.  | 1                     | 1                             |
| 5.          | Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.   | 1                     | 0                             |
| <b>VII</b>  | <b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>  | <b>6</b>              | <b>6</b>                      |
| 1.          | Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.   | 1                     | 1                             |
| 2.          | Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| 3.          | Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.   | 1                     | 1                             |
| 4.          | Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.  | 1                     | 1                             |
| 5.          | Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định. | 1                     | 1                             |
| 6.          | Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.  | 1                     | 1                             |
| <b>VIII</b> | <b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>  | <b>9</b>              | <b>9</b>                      |
| 1.          | Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các   | 1                     | 1                             |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>   | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|-----------|--|-----------------------|-------------------------------|
|           | chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.   |                       |                               |
| 2.        | Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| 3.        | Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 1                     | 1                             |
| 4.        | Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.  | 1                     | 1                             |
| 5.        | Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.   | 1                     | 1                             |
| 6.        | Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.  | 1                     | 1                             |
| 7.        | Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.   | 1                     | 1                             |
| 8.        | Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.  | 1                     | 1                             |
| 9.        | Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.  | 1                     | 1                             |
| <b>IX</b> | <b>Tiêu chuẩn 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>   | <b>6</b>              | <b>6</b>                      |
| 1.        | Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.  | 1                     | 1                             |
| 2.        | Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính   | 1                     | 1                             |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br/>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số)</b>   | <b>Điểm<br/>chuẩn</b> | <b>Trường tự<br/>đánh giá</b> |
|-----------|--|-----------------------|-------------------------------|
|           | sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.  |                       |                               |
| 3.        | Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. | 1                     | 1                             |
| 4.        | Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.   | 1                     | 1                             |
| 5.        | Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.  | 1                     | 1                             |
| 6.        | Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.   | 1                     | 1                             |

## **II. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Số lượng chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng: 01

Số lượng chương trình đào tạo tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 01

### **1. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Dược Trình độ Trung cấp Chính quy**

#### **1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng**

| <b>Thời gian</b>        | <b>Nội dung công việc</b>  | <b>Đơn vị thực hiện</b> |
|-------------------------|--|-------------------------|
| 01/09 đến<br>10/09/2023 | Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2023.   | Ban thư ký              |
| 11/09/2022              | Họp Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề   | Hội đồng kiểm định      |
| 12/09 đến<br>30/09/2023 | Chuẩn bị tự đánh giá sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của đơn vị       | Trưởng các đơn vị       |
| 01/10 đến<br>01/11/2023 | Thực hiện thu thập minh chứng và tự đánh giá sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2023 | Các nhóm                |

| <b>Thời gian</b>     | <b>Nội dung công việc</b>  | <b>Đơn vị thực hiện</b> |
|----------------------|--|-------------------------|
| 02/11 đến 08/11/2023 | Báo cáo sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị  | Trưởng các nhóm         |
| 09/11 đến 15/11/2023 | Các nhóm tổng hợp thành 1 file mềm và bản cứng và các thông tin minh chứng gửi về Phòng ĐT-CT HSSV                                     | Các nhóm                |
| 16/11 đến 20/11/2023 | Họp Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của Trường thẩm định, phê duyệt báo cáo sơ bộ kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề 2023 | Hội đồng kiểm định      |
| 21/11 đến 03/12/2023 | Tổng hợp, chỉnh sửa Báo cáo kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2023   | Ban Thư ký              |
| 05/12/2023           | Gửi báo cáo về Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP.Hồ Chí Minh.<br>Gửi báo cáo Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp.                         | Ban Thư ký              |

## 1.2 Kết quả tự đánh giá chất lượng

a) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: **98 điểm**

b) Tự đánh giá chất lượng **ĐẠT** tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Dược trình độ trung cấp chính quy.

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí/tiêu chuẩn</b>   | <b>Điểm chuẩn</b> | <b>Trường tự đánh giá</b> |
|-----------|--|-------------------|---------------------------|
|           | <b>ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC</b>   |                   | <b>ĐẠT</b>                |
|           | <b>TỔNG ĐIỂM</b>   | <b>100</b>        | <b>98</b>                 |
| <b>I</b>  | <b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>  | <b>6</b>          | <b>6</b>                  |
| 1.        | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.  | <b>2</b>          | <b>ĐẠT</b>                |
| 2.        | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | <b>2</b>          | <b>ĐẠT</b>                |

|             |   |           |                 |
|-------------|---|-----------|-----------------|
| 3.          | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.  | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| <b>II</b>   | <b>Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo</b>   | <b>14</b> | <b>12</b>       |
| 1.          | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.  | 2         | <b>CHƯA ĐẠT</b> |
| 2.          | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.  | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| 3.          | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| 4.          | <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.  | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| 5.          | <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.   | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| 6.          | <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.   | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| 7.          | <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.  | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| <b>III.</b> | <b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>   | <b>16</b> | <b>16</b>       |
| 1.          | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định  | 2         | <b>ĐẠT</b>      |
| 2.          | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn   | 2         | <b>ĐẠT</b>      |

|            |   |           |            |
|------------|---|-----------|------------|
|            | thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.   |           |            |
| 3.         | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.       | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 4.         | <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.       | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 5.         | <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 6.         | <b>Tiêu chuẩn 6:</b> 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 7.         | <b>Tiêu chuẩn 7:</b> 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 8.         | <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| <b>IV.</b> | <b>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>  | <b>24</b> | <b>24</b>  |
| 1.         | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 2.         | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 3.         | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 4.         | <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.                       | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 5.         | <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 6.         | <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương | 2         | <b>ĐẠT</b> |

|          |  |           |            |
|----------|--|-----------|------------|
|          | trình đào tạo.   |           |            |
| 7.       | <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 8.       | <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 9.       | <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 10.      | <b>Tiêu chuẩn 10:</b> 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 11.      | <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 12.      | <b>Tiêu chuẩn 12:</b> Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| <b>V</b> | <b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>   | <b>16</b> | <b>16</b>  |
| 1.       | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 2.       | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 3.       | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 4.       | <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 3        | <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo   | 2         | <b>ĐẠT</b> |

|            |   |           |            |
|------------|---|-----------|------------|
| 4          | <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 5          | <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.   | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 6          | <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| <b>VI</b>  | <b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>   | <b>8</b>  | <b>8</b>   |
| 1.         | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 2.         | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 3.         | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| 4.         | <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |
| <b>VII</b> | <b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>   | <b>16</b> | <b>16</b>  |
| 1.         | <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.  | 2         | <b>ĐẠT</b> |

|    |   |   |            |
|----|---|---|------------|
| 2. | <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. | 2 | <b>ĐẠT</b> |
| 3. | <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.                     | 2 | <b>ĐẠT</b> |
| 4. | <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học               | 2 | <b>ĐẠT</b> |
| 5. | <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định  | 2 | <b>ĐẠT</b> |
| 6. | <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).                         | 2 | <b>ĐẠT</b> |
| 7. | <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.   | 2 | <b>ĐẠT</b> |
| 8. | <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.                               | 2 | <b>ĐẠT</b> |

### **C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ**

1. Đề xuất: không
2. Khuyến nghị: không

#### **Nơi nhận:**

- TCDGNN (để b/c);
- Sở LĐTHXH TP.HCM (để b/c);
- Lưu: VT, P.ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**ThS. Lê Thị Bích Thảo**

